

Số: 02/2014/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 13 tháng 3 năm 2014

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 23 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND kỳ họp thứ 9, Khóa XIII ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành theo Quyết định này “Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế: Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện dự án quy hoạch phát triển chăn nuôi trâu, bò thịt theo hướng sản xuất hàng hóa bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2006-2015; Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định cụ thể chính sách hỗ trợ gạo cho nhân dân trồng chè thuộc vùng chè 4 xã Sín Chải, Tả Sìn Thàng, Tả Phìn, Sính Phình huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Các chính sách hỗ trợ tại Quyết định này, thực hiện từ ngày 01/01/2014.

~~Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.~~

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**

## QUY ĐỊNH

### Về chính sách hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014  
của UBND tỉnh Điện Biên)*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

- Quy định này quy định cụ thể về chính sách hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
- Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Các chính sách hỗ trợ tại Quy định này nếu trùng với các chính sách hỗ trợ khác nhưng với mức hỗ trợ khác nhau thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.
- Các nội dung không có trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.
- Quy định các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I, II, III tại Quy định này thực hiện theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 về công nhận thôn bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015.

## Chương II

### NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

#### **Điều 2. Hỗ trợ giống cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày**

##### **1. Các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I:**

- Hỗ trợ 50% giá giống ngô lai, ngô kỹ thuật và đậu tương trên đất một vụ lúa, 2 vụ lúa.
- Hỗ trợ 30% giá giống đậu tương, ngô trên đất nương, đất bãi.
- Hỗ trợ 30% giá giống lúa xác nhận, 30% giá giống lúa lai.

##### **2. Các xã, thị trấn thuộc khu vực II:**

- Hỗ trợ 30% giá giống lúa xác nhận, 50% giá giống lúa lai.

~~Hỗ trợ 50% giá giống ngô, đậu tương trên đất nương, đất bãi; hỗ trợ 80% trên đất ruộng 1 vụ lúa; 2 vụ lúa.~~

### **3. Các xã thuộc khu vực III:**

- Hỗ trợ 100% giá giống các loại: lúa lai, lúa xác nhận (lúa nước, lúa chịu hạn), ngô lai, ngô kỹ thuật.

- Hỗ trợ 100% giá giống đậu tương đối với các xã có diện tích trồng đậu tương tập trung từ 5 ha trở lên.

### **4. Định mức và hạn mức hỗ trợ:**

a) Tỷ lệ diện tích sản xuất lúa ruộng được hỗ trợ giá giống: Không vượt quá 35% diện tích gieo trồng đối với các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I và khu vực II; không quá 10% diện tích gieo trồng đối với xã thuộc khu vực III. Các đối tượng được phân bổ hỗ trợ luân phiên, không phân bổ bình quân cho các huyện, xã, bản.

b) Tỷ lệ diện tích ngô được hỗ trợ giá giống: Không quá 15% đối với diện tích gieo trồng trên đất bãi, nương đối với các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I; không quá 10% đối với xã, thị trấn thuộc khu vực II và khu vực III. Hỗ trợ 100% diện tích ngô gieo trồng trên đất 1 vụ lúa, 2 vụ lúa theo kế hoạch của UBND tỉnh giao.

c) Tỷ lệ diện tích đậu tương được hỗ trợ giá giống đối với các xã sản xuất đậu tương tập trung: Không quá 20% diện tích gieo trồng trên đất bãi, đất nương đối với các xã, thị trấn thuộc khu vực I và khu vực II; không quá 10% diện tích gieo trồng đối với các xã thuộc khu vực III. Hỗ trợ 100% diện tích đậu tương gieo trồng trên đất 1 vụ lúa, 2 vụ lúa theo kế hoạch của UBND tỉnh giao.

### **Điều 3. Hỗ trợ phát triển nấm thương phẩm**

- Hỗ trợ 50% giá giống nấm rơm; 50% giá bịch giống nấm sò, mộc nhĩ.

- Đối với nấm rơm: Mỗi huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ không quá 150 kg giống nấm/năm. Đối với bịch giống: Mỗi huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ không quá 1.000 bịch giống/năm đối với nấm sò, mộc nhĩ.

### **Điều 4. Hỗ trợ phát triển cây cà phê trong vùng quy hoạch**

- Hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha cho các hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất nương rẫy sang trồng cà phê bằng vốn tự có hoặc tham gia góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất với doanh nghiệp để trồng cà phê.

- Hỗ trợ 50% giá cây giống khi trồng mới (bao gồm cả trồng dặm) cho các hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn trồng cà phê.

- Hàng năm toàn tỉnh hỗ trợ không quá 200 ha diện tích cà phê trồng mới đối với diện tích chuyển đổi sang trồng cà phê tiểu điền nằm trong vùng quy hoạch phát triển cà phê của tỉnh (không bao gồm diện tích cà phê được đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh huyện Mường Nhé đến năm 2015 theo Quyết định số 79/QĐ-

~~TTg ngày 12/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ do đã có chính sách riêng).~~ Đối với cà phê đại điền nằm trong vùng quy hoạch phát triển cà phê, diện tích trồng mới được hỗ trợ thực hiện theo kế hoạch giao hàng năm của UBND tỉnh.

#### **Điều 5. Hỗ trợ phát triển Chè cây cao (Chè tuyết شان) trong vùng quy hoạch**

- Hỗ trợ giống: Hỗ trợ 100% giá giống trồng mới (bao gồm cả trồng dặm).
- Hỗ trợ tiền mua lương thực: Các hộ gia đình tham gia trồng chè cây cao được hỗ trợ tiền mua lương thực; diện tích để tính hỗ trợ theo diện tích trồng thực tế; mức hỗ trợ tương đương 700 kg gạo/ha/năm (tính theo giá thông báo của Sở Tài chính tại thời điểm hỗ trợ); thời gian hỗ trợ không quá 05 năm.
- Diện tích chè trồng mới được hỗ trợ giá giống hàng năm của toàn tỉnh không quá 60 ha. Áp dụng đối với các hộ có diện tích chuyển đổi sang trồng chè tối thiểu phải từ 500 m<sup>2</sup>/01 điểm trồng chè trở lên và không có tranh chấp, mỗi hộ chỉ được hỗ trợ 1 lần với diện tích được hỗ trợ không quá 1 ha; thời gian hỗ trợ từ khi trồng chè cho đến khi thu sản phẩm nhưng tối đa không quá 5 năm.

#### **Điều 6. Hỗ trợ phát triển cây cao su tiểu điền trong vùng quy hoạch**

Hỗ trợ các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức tự đầu tư trồng cao su theo quy hoạch phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh; mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 50% giá giống cao su trồng mới (bao gồm cả trồng dặm).
- Hỗ trợ chuyển đổi (01 lần) cho hộ chuyển đổi từ đất trồng cây hàng năm và đất luân canh sang trồng cây cao su: Mức hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha.
- Đối với các xã, thị trấn thuộc khu vực II, III: Ngoài các hỗ trợ trên các cá nhân, hộ gia đình còn được hỗ trợ gạo; diện tích được hỗ trợ theo diện tích trồng cao su thực tế; mức hỗ trợ tối đa không quá 700kg gạo/ha/năm (tính theo giá thông báo của Sở Tài chính tại thời điểm hỗ trợ); thời gian hỗ trợ không quá 05 năm.
- Diện tích chuyển đổi sang trồng cao su tiểu điền nằm trong vùng quy hoạch phát triển cao su của tỉnh, hàng năm được hỗ trợ không quá 50 ha diện tích cao su trồng mới.

#### **Điều 7. Hỗ trợ phát triển Cây ăn quả**

- *Hỗ trợ giống cây trồng mới:* Hỗ trợ 50% giá giống cây trồng mới. Số lượng giống được hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- *Hỗ trợ mắt ghép:* Hỗ trợ 50% giá mắt ghép, công ghép cải tạo những cây trồng năng suất kém chất lượng. Số lượng giống được hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Diện tích được hỗ trợ hàng năm toàn tỉnh không quá 30 ha (bao gồm cả diện tích trồng mới và cải tạo).

#### **Điều 8. Hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò**

***1. Hỗ trợ cải tạo đàn bò, đàn trâu***

a) Hỗ trợ cải tạo đàn bò địa phương, bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo:

Chỉ được hỗ trợ khi tỷ lệ thụ thai đạt 70% trở lên so với số lượng bò được thụ tinh; mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I: Hỗ trợ 100% tinh bò giống hướng thịt Zebu, Ni tơ bảo quản tinh, vật tư phối giống, cước vận chuyển; hỗ trợ 50% công phối giống.

- Các xã, thị trấn thuộc khu vực II: Hỗ trợ 100% tinh bò giống hướng thịt Zebu, Ni tơ bảo quản tinh, vật tư phối giống, cước vận chuyển, công phối giống.

b) Hỗ trợ cải tạo đàn bò, đàn trâu tại các khu vực không thực hiện được thụ tinh nhân tạo:

- Hỗ trợ 80% giá mua giống bò đực lai F2, trâu đực ngoài vùng (huyện, tỉnh) để phối giống trực tiếp cho bò, trâu cái ở các địa phương không thực hiện được thụ tinh nhân tạo. Sau khi bò đực lai F2, trâu đực giống tạo được 100 con bê lai, nghé con thì chủ hộ, nhóm hộ nuôi bò đực lai F2, trâu đực giống được quyền sở hữu con bò đực giống lai F2 đó.

- Hỗ trợ các chủ hộ, nhóm hộ nuôi bò đực lai F2, trâu đực để phối giống: Hỗ trợ theo số lượng bê lai, nghé con được sinh ra; mức hỗ trợ 100.000 đồng/con; hỗ trợ trong thời gian 4 năm.

- Hỗ trợ các chủ hộ có trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn giống phải thiên 200.000 đồng/con; hỗ trợ công thiên bằng phương pháp kim thiên cho cán bộ thực hiện 200.000 đồng/con.

***2. Hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò theo quy mô hộ gia đình***

Hỗ trợ 100% giá cỏ giống trồng năm đầu tiên cho các hộ tham gia chăn nuôi trâu, bò hàng hóa có quy mô từ 5 con trâu, bò trở lên.

***3. Hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò theo quy mô trang trại***

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay ngân hàng trong 3 năm đầu cho các hộ gia đình, cá nhân có từ 20 con trâu, bò trở lên để xây dựng chuồng trại, mua trang thiết bị chăn nuôi tiên tiến.

***4. Định mức và hạn mức***

a) Hỗ trợ thụ tinh nhân tạo để cải tạo đàn bò vàng địa phương 500 con/năm; trong đó các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I là 300 con; các xã, thị trấn thuộc khu vực II là 200 con.

b) Hỗ trợ cải tạo đàn bò, đàn trâu tại các vùng lòng chảo và khu vực không thực hiện được thụ tinh nhân tạo:

~~Định mức: Các hộ chăn nuôi có quy mô từ 20 trâu cái hoặc bò cái sinh sản trở~~  
lên; nhóm hộ chăn nuôi có cùng khu vực chăn thả, có quy mô từ 30 con trở lên được  
bố trí 01 con trâu, bò đực giống F2.

- Hạn mức hỗ trợ trâu, bò đực giống: Mỗi huyện, thị xã, thành phố không quá 3  
con trâu, bò đực giống F2/năm.

- Hạn mức hỗ trợ các chủ hộ, nhóm hộ nuôi bò đực lai F2, trâu đực để phối  
giống: Hỗ trợ theo số lượng bê lai, nghé con sinh ra; mỗi huyện, thị xã, thành phố  
không quá 60 con bê, nghé/năm.

c) Hỗ trợ trồng cỏ: Định mức hỗ trợ 200m<sup>2</sup> cỏ/con. Hạn mức diện tích trồng cỏ  
chăn nuôi, mỗi huyện, thị xã, thành phố không quá 01 ha/năm.

d) Hỗ trợ tập huấn phát triển chăn nuôi giúp nông dân theo quy định chế độ tài  
chính hiện hành.

## **Điều 9. Hỗ trợ chăn nuôi lợn**

### ***1. Hỗ trợ chăn nuôi lợn theo quy mô hộ gia đình***

a) Các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I:

Các hộ chăn nuôi lợn khi có đủ các tiêu chí kỹ thuật do Sở Nông nghiệp và  
PTNT quy định được hỗ trợ 01 lần bằng tiền để mua lợn giống. Mức hỗ trợ, quy mô  
để được hỗ trợ và hạn mức được hỗ trợ cụ thể như sau:

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 10% giá lợn giống.

- Quy mô để được hỗ trợ: Các hộ chăn nuôi có từ 10 con lợn sinh sản trở lên  
hoặc có từ 50 con lợn thịt trở lên.

- Hạn mức được hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 10 con giống/hộ đối với lợn sinh sản; 25  
con giống/hộ đối với lợn thịt.

b) Các xã, thị trấn thuộc khu vực II, III:

Các hộ chăn nuôi lợn khi có đủ các tiêu chí kỹ thuật do Sở Nông nghiệp và  
PTNT quy định được hỗ trợ 01 lần bằng con giống. Mức hỗ trợ và quy mô để được  
hỗ trợ cụ thể như sau:

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 con lợn giống/hộ chăn nuôi lợn sinh sản; 02 con lợn  
giống/hộ chăn nuôi lợn thịt.

- Quy mô để được hỗ trợ: Các hộ chăn nuôi có từ 05 con lợn sinh sản trở lên  
hoặc có từ 15 con lợn thịt trở lên.

### ***2. Hỗ trợ chăn nuôi lợn theo quy mô trang trại***

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay ngân hàng trong 3 năm đầu cho các hộ gia đình,  
cá nhân có từ 25 con lợn sinh sản trở lên hoặc có từ 100 con lợn thịt trở lên để xây  
dựng chuồng trại, mua trang thiết bị chăn nuôi tiên tiến.

~~3. Định mức và hạn mức hỗ trợ (Bao gồm cả các hộ nuôi lợn sinh sản và hộ nuôi lợn thịt):~~ Các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I, II, III: Mỗi huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ không quá 15 hộ/năm.

#### **Điều 10. Hỗ trợ chăn nuôi gia cầm**

- *Hỗ trợ chăn nuôi gia cầm theo quy mô hộ gia đình:* Hỗ trợ 70% lãi suất tiền vay ngân hàng năm 3 năm đầu giúp các hộ chăn nuôi gia cầm có quy mô đàn gia cầm từ 500 con trở lên để mua giống, thức ăn chăn nuôi, xây dựng chuồng trại, mua trang thiết bị chăn nuôi tiên tiến.

- *Hỗ trợ chăn nuôi gia cầm theo quy mô trang trại:* Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay ngân hàng trong 3 năm đầu cho các hộ gia đình, cá nhân có quy mô đàn gia cầm từ 3.000 con trở lên để xây dựng chuồng trại, mua trang thiết bị chăn nuôi tiên tiến.

#### **Điều 11. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật**

Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm cho các hộ nông dân tại tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chế độ tài chính hiện hành.

#### **Điều 12. Hỗ trợ bảo vệ thực vật**

- Hỗ trợ 100% giá thuốc bảo vệ thực vật cho các hộ nông dân tại tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh khi có quyết định công bố dịch của UBND tỉnh đối với các loại cây lương thực, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp.

- Hỗ trợ tập huấn bảo vệ thực vật hàng năm giúp nông dân theo chế độ chính sách hiện hành quy định theo từng khu vực trong tỉnh.

- Hỗ trợ tập huấn các kiến thức về bảo vệ thực vật cho các cán bộ phụ trách lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp tại xã, thôn, bản; mỗi năm từ 1-2 lần/năm.

#### **Điều 13. Hỗ trợ thú y**

**1. Các loại vắc xin và định mức hỗ trợ để tiêm phòng trên địa bàn toàn tỉnh gồm:**

- Vắc xin nhiệt thán: Tỷ lệ tiêm phòng đạt 30% trên tổng đàn, tiêm 1 lần/năm (tiêm vùng ổ dịch cũ do trạm thú y huyện xác định).

- Vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò: Tỷ lệ tiêm phòng đạt 80% trên tổng đàn, được tiêm 2 lần/năm.

- Vắc xin tụ huyết trùng lợn: Tỷ lệ tiêm đạt 80% trên tổng đàn, được tiêm 2 lần/năm.

- Vắc xin dịch tả lợn: Tỷ lệ tiêm đạt 80% trên tổng đàn, được tiêm 2 lần/năm.

- Vắc xin ung khí thán: Tiêm phòng 2 lần/năm, mỗi năm tiêm từ 8.000 - 10.000 liều vắc xin/năm (tiêm vào vùng ổ dịch cũ do trạm thú y cấp huyện xác định).

#### **2. Định mức và hạn mức hỗ trợ**



~~Hỗ trợ 100% tiền vắc xin cần thiết để tiêm phòng cho gia súc trong địa bàn toàn tỉnh.~~

- Hỗ trợ tiền công tiêm phòng: 4.000 đồng cho một mũi tiêm (Một liều vắc xin) đối với trâu, bò; 2.000 đồng cho một mũi tiêm (Một liều vắc xin) đối với lợn; 200 đồng/con/lần tiêm đối với gia cầm.

- Hỗ trợ phòng, chống dịch: Thực hiện theo Quyết định 605/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh Điện Biên.

### ***3. Hỗ trợ gia súc, gia cầm bị rủi ro (chết) do phản ứng sau tiêm phòng vắc xin***

Hỗ trợ 100% giá trị gia súc, gia cầm theo giá thị trường tại thời điểm xảy ra rủi ro. Gia súc, gia cầm được xác định là chết do phản ứng khi tiêm một số loại vắc xin sau:

- Tiêm phòng trâu, bò: Vắc xin phòng bệnh nhiệt thán, Ung khí thán, tụ huyết trùng, lở mồm long móng.

- Tiêm phòng cho lợn: Vắc xin phòng bệnh dịch tả, tụ huyết trùng, lở mồm long móng, bệnh tai xanh.

- Tiêm phòng cho gia cầm: vắc xin phòng dịch cúm gia cầm.

- Hỗ trợ tập huấn thú y cho lực lượng thú y xã và thôn, bản: Mỗi xã từ 10-15 thú y viên, cán bộ thôn bản được tập huấn, bổ sung kiến thức chuyên môn, từ 1-2 lần/năm.

## **Điều 14. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản**

### ***1. Hỗ trợ phát triển mô hình thủy sản***

Hỗ trợ giá giống cho mô hình sản xuất nuôi cá, tôm càng xanh trong ruộng cấy lúa, mô hình nuôi cá trong hệ V.A.C và mô hình nuôi cá rô phi đơn tính; mức hỗ trợ là 50% đối với các xã thuộc khu vực I và II, 100% đối với các xã thuộc khu vực III. Các loại giống cá nuôi được hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn của liên Sở: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính; tiêu chuẩn cá giống áp dụng theo tiêu chuẩn ngành quy định.

### ***2. Hỗ trợ phát triển đối tượng thủy sản mới***

a) Hỗ trợ nuôi trồng đối tượng thủy sản mới: Hỗ trợ 50% giá giống và giá thức ăn (theo quy trình) cho các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng đối tượng thủy sản mới có giá trị kinh tế cao. Đối tượng thủy sản mới có giá trị kinh tế cao phải được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định.

b) Hỗ trợ sản xuất giống các đối tượng thủy sản mới: Hỗ trợ 50% giá giống và giá thức ăn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối tượng thủy sản mới là các đối tượng chưa được sản xuất trên địa bàn tỉnh.

### ***3. Hỗ trợ nuôi cá cộng đồng***

~~Hỗ trợ cá giống cho các tổ chức nuôi cá cộng đồng tại các hồ thủy lợi (trừ hồ thủy điện Sơn La); mức hỗ trợ 250.000 đồng/01ha mặt nước/năm.~~

#### **4. Hỗ trợ tập huấn, hội thảo kỹ thuật cho nông dân.**

#### **5. Định mức và hạn mức thực hiện chính sách hỗ trợ**

a) Hỗ trợ giá giống thủy sản theo mô hình nuôi cá, tôm càng xanh trong ruộng cấy lúa: Toàn tỉnh hỗ trợ không quá 50 ha/năm.

b) Hỗ trợ giá giống cá mô hình nuôi cá trong hệ V.A.C: Hỗ trợ không quá 5 ha/năm/các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I và khu vực II; không quá 3 ha/năm/các xã thuộc khu vực III.

c) Hỗ trợ nuôi trồng đối tượng thủy sản sản mới: Hỗ trợ không quá 0,5 ha/năm.

d) Hỗ trợ cá giống cho các tổ chức nuôi cá cộng đồng tại các hồ thủy lợi: Diện tích hỗ trợ toàn tỉnh không quá 500 ha/năm.

#### **Điều 15. Hỗ trợ trồng cây phân tán**

- Thực hiện theo dự án trồng cây phân tán (gồm cả trồng cây phân tán trên vỉa hè đường phố) hoặc kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% giá cây giống. Đối với cây trồng trên vỉa hè đường phố, trên các đồi di tích lịch sử ngoài hỗ trợ giá cây giống còn được hỗ trợ thêm 100% giá phân bón, rào bảo vệ trong 2 năm đầu sau khi trồng.

- Khối lượng trồng cây phân tán hàng năm, thực hiện theo quyết định giao; mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/năm.

#### **Điều 16. Hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân tham gia góp đất với Doanh nghiệp để trồng rừng sản xuất theo các dự án trồng rừng sản xuất**

- Hỗ trợ 01 lần bằng tiền các hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nương, đất trống, đồi trọc (thực bì thuộc trạng thái Ia, Ib, Ic), tham gia góp đất với doanh nghiệp để trồng rừng sản xuất theo các dự án trồng rừng đã được cấp phép theo quy định hiện hành; mức hỗ trợ là 05 triệu đồng/ha rừng thực trồng; thời điểm được hỗ trợ là sau khi nghiệm thu rừng trồng năm thứ 2.

- Hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân tham gia góp đất với doanh nghiệp để trồng rừng sản xuất: Hỗ trợ theo tiến độ trồng, chăm sóc rừng trồng hàng năm của các doanh nghiệp.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 17. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

~~Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, địa phương, đơn vị liên~~  
quan: Hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ tại Quy định này; rà soát, sửa đổi, bổ sung các trình tự, thủ tục thực hiện chính sách; ban hành các quy trình kỹ thuật đối với các cây trồng nông nghiệp, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp; quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng đối với vật nuôi, thủy sản; hướng dẫn tuyển, giữ chọn các loại giống cây trồng, vật nuôi đã nêu trong nội dung của chính sách; tổ chức và chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành triển khai thực hiện; tham mưu cho UBND tỉnh chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang trồng cao su và các cây trồng khác, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành; tổ chức kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Quy định này ở các địa phương, kịp thời tổng hợp, báo cáo và đề xuất phương án xử lý những phát sinh trong quá trình thực hiện vượt quá thẩm quyền của ngành, địa phương với UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo giải quyết.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh giao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất liên quan đến các nội dung hỗ trợ tại Quy định này, thanh lý rừng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, chuyển mục đích sử dụng các loại đất theo quy định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành triển khai thực hiện Quy định này.

### **Điều 18. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để phát triển các cây công nghiệp dài ngày, trồng rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức trong việc quản lý sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

### **Điều 19. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương thực hiện thanh lý rừng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; xây dựng dự toán hàng năm, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Quy định này.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ tại Quy định này; tổ chức kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Quy định này ở các địa phương.

### **Điều 20. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh giao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất liên quan đến các nội dung hỗ trợ tại Quy định này.

~~Điều 21. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị~~

- Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương, đơn vị để lập dự trù kinh phí hỗ trợ vào đầu quý III hàng năm gửi các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch vốn hỗ trợ hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị để thực hiện.
- Ưu tiên thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân tham gia góp giá trị quyền sử dụng đất với các doanh nghiệp để phát triển cây công nghiệp và trồng rừng.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ tại Quy định này đến người dân, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.
- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc giải phóng mặt bằng, tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia liên kết với doanh nghiệp để phát triển cây công nghiệp và trồng rừng.
- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện hỗ trợ các chính sách cho các đối tượng, đảm bảo đúng đối tượng, chủng loại, thời gian quy định.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định với UBND tỉnh, các Sở, ngành liên quan./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**